



Ch 4: Công cụ và Phương pháp dùng trong quy hoạch

Công cụ-Phương pháp

Chính sách

Kinh tế

Kỹ thuật

EIA

Đa thành phần

GIS

Phân Tích
Lợi ích/chi
phí

Phân công
quản lý

Phân vùng

Giám sát-
phản hồi



1- Công cụ chính sách

Chính sách và *pháp luật* là tiền đề cho việc hoạch định và quản lý

Quy hoạch được coi là “**bảng dẫn đường**” cho hoạt động sản xuất phát triển; nó phải phù hợp với chính sách và pháp luật.

1- Công cụ chính sách (tt)

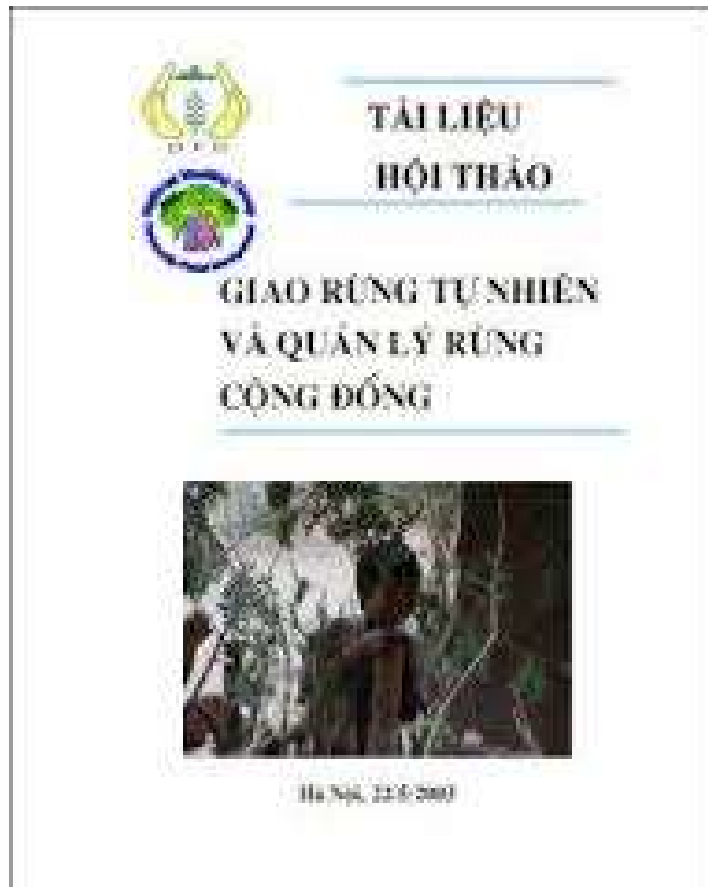


**Phải thỏa
mãn tiêu
chí nền
kinh tế thị
trường**



1- Công cụ chính sách (tt)

- Tập trung nhà nước hay phân quyền?



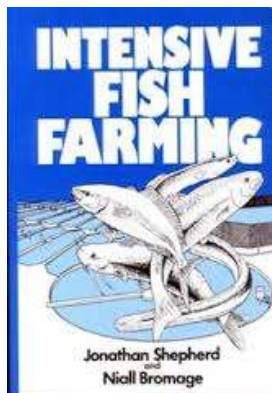
1- Công cụ chính sách (tt)

Xác định thị trường: nội địa hay xuất khẩu?



1- Công cụ chính sách (tt)

- Khuyến khích mô hình nuôi nào: thâm canh – quảng canh?



Intensive or extensive ?

<i>Characteristics</i>	<i>Extensive Aquaculture</i>	<i>Intensive Aquaculture</i>
Inputs	Low	High
Self-sufficiency	Closed system	Open system
Waste	Useful - recycled	Hazardous
No. of Spp.	Several	One
Energy input	Low	High
Market	Near to farm	Far away from farm
Economy	Subsistence	Capital intensive
Diversification	Considerable scope	Limited scope





1- Công cụ chính sách (tt)

- Chính sách phù hợp để phát triển ngành non trẻ





1- Công cụ chính sách (tt)

- *Nguyên tắc chung*: tùy điều kiện cụ thể mà chọn bộ công cụ chính sách phù hợp; **không có một công thức chung** cho mọi trường hợp



2-Công cụ kinh tế

Thưởng

- Tài trợ trực tiếp?
- Thuế/phí?
- V.v.



Phạt

- Phạt tiền?
- Thu hồi giấy phép?
- V.v.



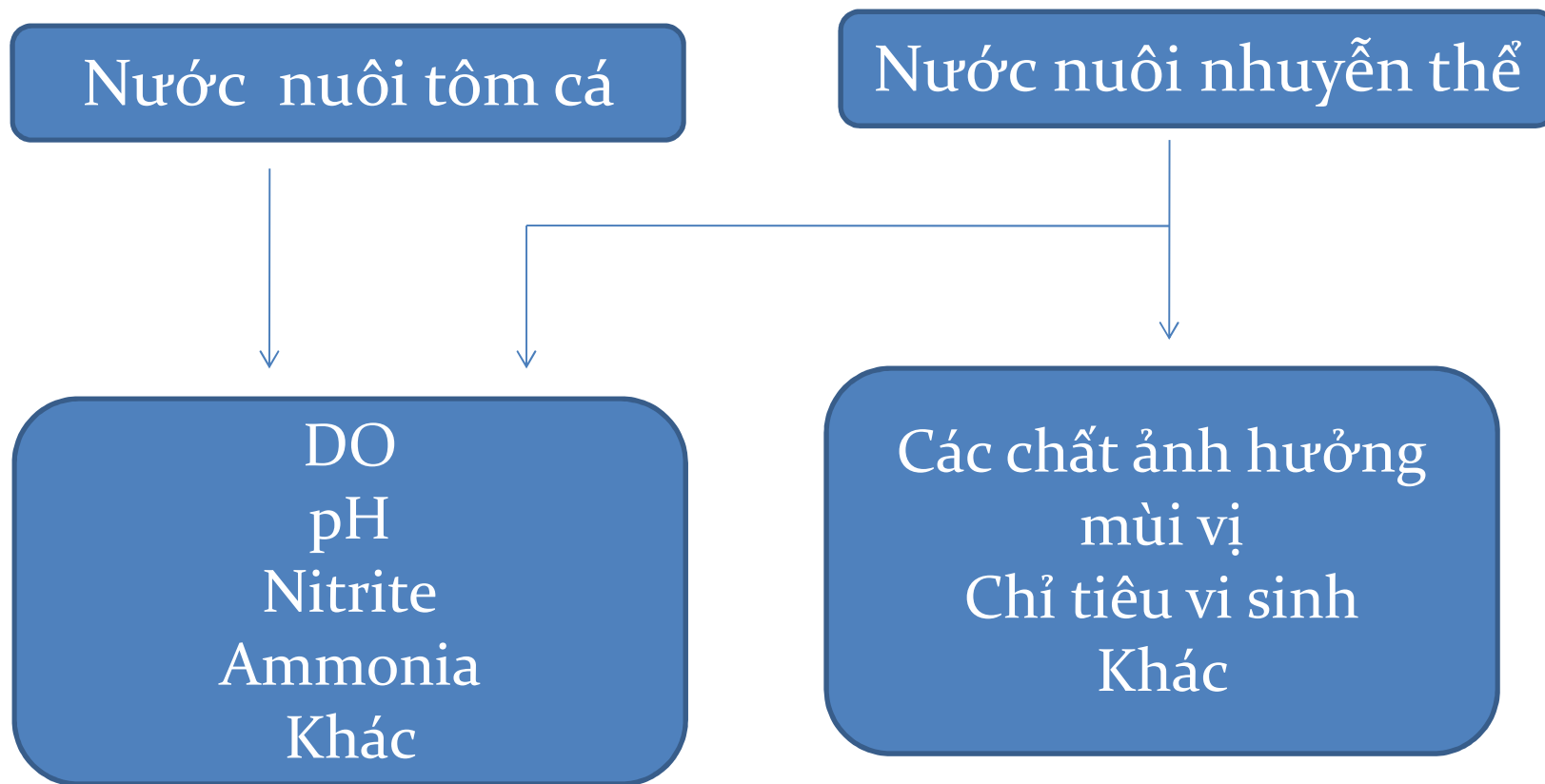
Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ (tt)



- Quotas
 - điều tiết cung-cầu
- Nghiên cứu ; chuyển giao công nghệ
- Giáo dục-đào tạo
 - Đối tượng: ???
 - Xác định nhu cầu
 - Đơn vị cung cấp dịch vụ: trường? viện? công ty?
- Dịch vụ cung cấp giống: nhà nước? tư nhân?
- Dịch vụ cung cấp thức ăn: chất lượng? Giá cả?
- Cung cấp trang thiết bị: nhà nước? Tư nhân?
- Dịch vụ khuyến nông (framework)
- Dịch vụ phòng trị bệnh
- Bảo hiểm quá trình sản xuất



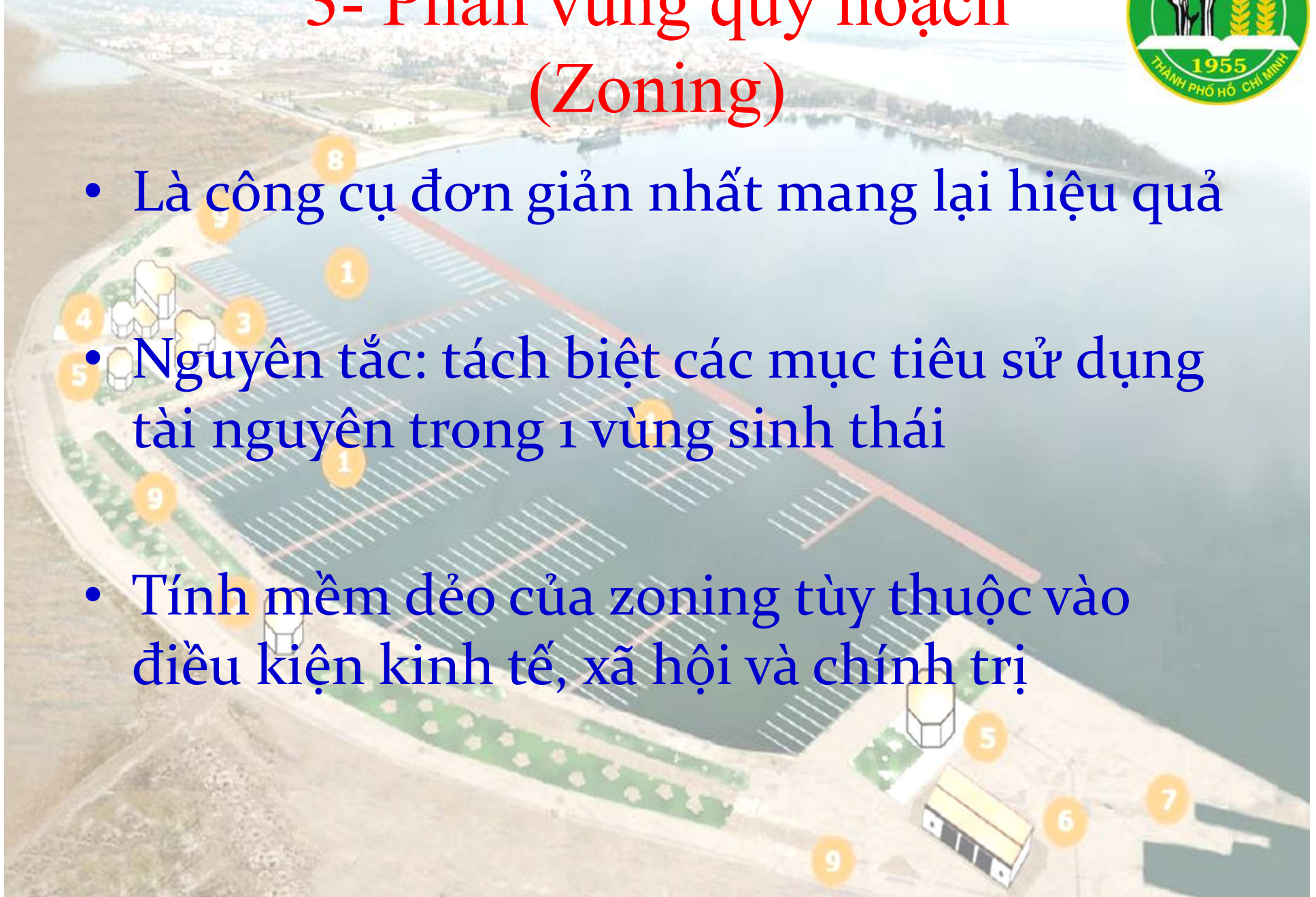
Quản lý thủy vực





3- Phân vùng quy hoạch (Zoning)

- Là công cụ đơn giản nhất mang lại hiệu quả
- Nguyên tắc: tách biệt các mục tiêu sử dụng tài nguyên trong 1 vùng sinh thái
- Tính mềm dẻo của zoning tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội và chính trị





Zoning

- Cách quản lý hoạt động trong vùng quy hoạch:
- Trường hợp 1: “cho phép” hoặc “cho phép với giấy phép”: nếu không đề cập → không được hoạt động

Lưu ý “cho phép” một hoạt động nếu đạt các mục tiêu quản lý; có thể kèm điều kiện



www.shutterstock.com · 16002082





Zoning

- *Cách quản lý hoạt động trong vùng qui hoạch.*
- Trường hợp 2: “cấm” hay “không cho phép”: nếu không đề cập nghĩa là cho phép

Cho phép hoạt động trừ phi nhà quản lý chứng minh được nó không phù hợp mục tiêu quản lý hoặc có nhiều tác động xấu lên môi trường

- *Lưu ý: trường hợp 1 thường dùng; trường hợp 2 ít dùng vì tốn thời gian và chi phí*



Phạm vi phân vùng

- Vùng **địa giới hành chính**, dựa trên mục tiêu sử dụng
- Dựa vào **thông tin kinh tế, xã hội và môi trường** kèm theo các thông tin về hiện trạng và tương lai sử dụng của cộng đồng để hình thành kế hoạch phân vùng
- **Ví dụ**: hoạt động hàng hải có thể mâu thuẫn với nuôi trồng thủy sản
- **Yêu cầu**: phải đơn giản, số lượng ít, có sự tham gia cộng đồng từ đầu để đồng thuận



4- Công cụ ĐTM (EIA)

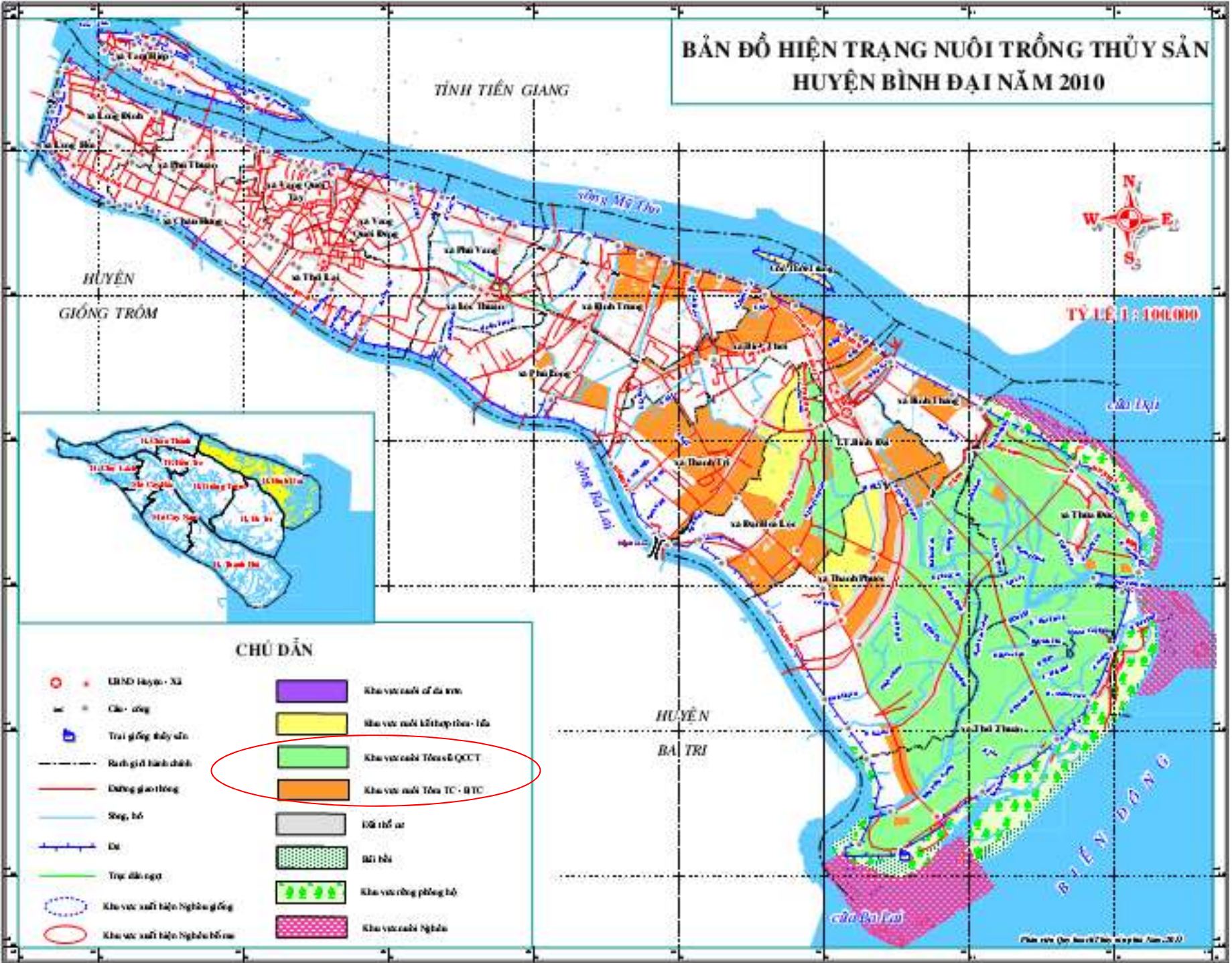
- Khái niệm môi trường
- Xác định và dự báo tác động và phạm vi-mức độ
- Các phương án lựa chọn
- Các biện pháp phát huy/giảm thiểu tác động
- Quy trình giám sát-phản hồi



5-Hệ thống thông tin địa lý (GIS)

- Mô hình toán học (bài toán đa biến)
- Trực quan hình ảnh
- Dự báo – hỗ trợ quyết định
- Thuận lợi/khó khăn

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HUYỆN BÌNH ĐẠI NĂM 2010



TỈNH TIỀN GIANG

HUYỆN
GIỒNG TRÒM



TỶ LỆ 1 : 100.000



CHÚ DẪN

- UBND huyện - Xã
- Cầu - cống
- Trại giống thủy sản
- Ranh giới hành chính
- Đường giao thông
- Sông, hồ
- Đường
- Trục đường
- Khu vực xuất hiện Nghêu giống
- Khu vực xuất hiện Nghêu biển
- Khu vực nuôi tôm
- Khu vực nuôi nhiều loại cá
- Khu vực nuôi Tôm sú QOCT
- Khu vực nuôi Tôm TC - BTC
- Cá thể cá
- Mù tằm
- Khu vực rừng phòng hộ
- Khu vực nuôi Nghêu

HUYỆN
BÀ TRỊ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HUYỆN BÌNH ĐẠI ĐẾN NĂM 2020

TỈNH TIỀN GIANG

HUYỆN
GIỒNG TRÒM



TỶ LỆ 1 : 100.000



CHỈ DẪN

- | | | | |
|--|-------------------------------------|--|--|
| | UBND huyện - xã | | Khu vực nuôi tập thể Nghèo đói |
| | Cầu - cống | | Khu vực nuôi tập thể Nghèo bờ |
| | Trại giống thủy sản hiện có và kiến | | Khu vực nuôi ở địa phương |
| | Ranh giới hành chính | | Khu vực nuôi kết hợp trên - dưới |
| | Đường giao thông | | Khu vực nuôi theo kế hoạch của QCC |
| | Sông, hồ | | Khu vực nuôi theo kế hoạch của TC - BTC (được cấp tin chỉ đạo và điều kiện cho nuôi) |
| | Đê | | Khu vực QH nuôi - Tồn dư sản phẩm (có thể nuôi sản phẩm) |
| | Trục dẫn nước | | Đất thổ cư |
| | Kênh cấp | | Đất bãi |
| | Kênh thoát | | Khu vực rừng phòng hộ |
| | Kênh cấp thoát chung | | Khu vực nuôi Nghèo |

HUYỆN
BÀ TRỊ

Phòng quản lý Nuôi trồng Thủy sản và Kiểm dịch Thực vật - Chi cục

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HUYỆN THANH PHÚ NĂM 2010

HUYỆN
MỎ
CÀY

HUYỆN BA TRI



TỶ LỆ : 100.000



CHÚ DẪN

- UBND Huyện - Xã
- Trại giống thủy sản - công - ấp
- Ranh giới hành chính
- Đường giao thông
- Sông, hồ
- Đê
- Khu vực nuôi hiện Nghiêu giống
- Khu vực nuôi hiện Nghiêu bố trí
- Khu vực nuôi theo công suất
- Khu vực nuôi kết hợp tôm - heo
- Khu vực nuôi Tôm sú QCCT
- Khu vực nuôi Tôm TC - BTC
- Đất trống
- Bãi bồi
- Khu vực rừng phòng hộ
- Khu vực nuôi Nghiêu

TỈNH TRÀ VINH

SÔNG CÚCH

CÁI HỒNG LƯƠNG

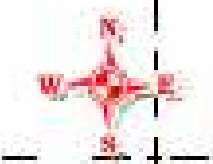
BIỂN ĐÔNG

Đơn vị: Quy hoạch Thủy sản phía Nam - 2011

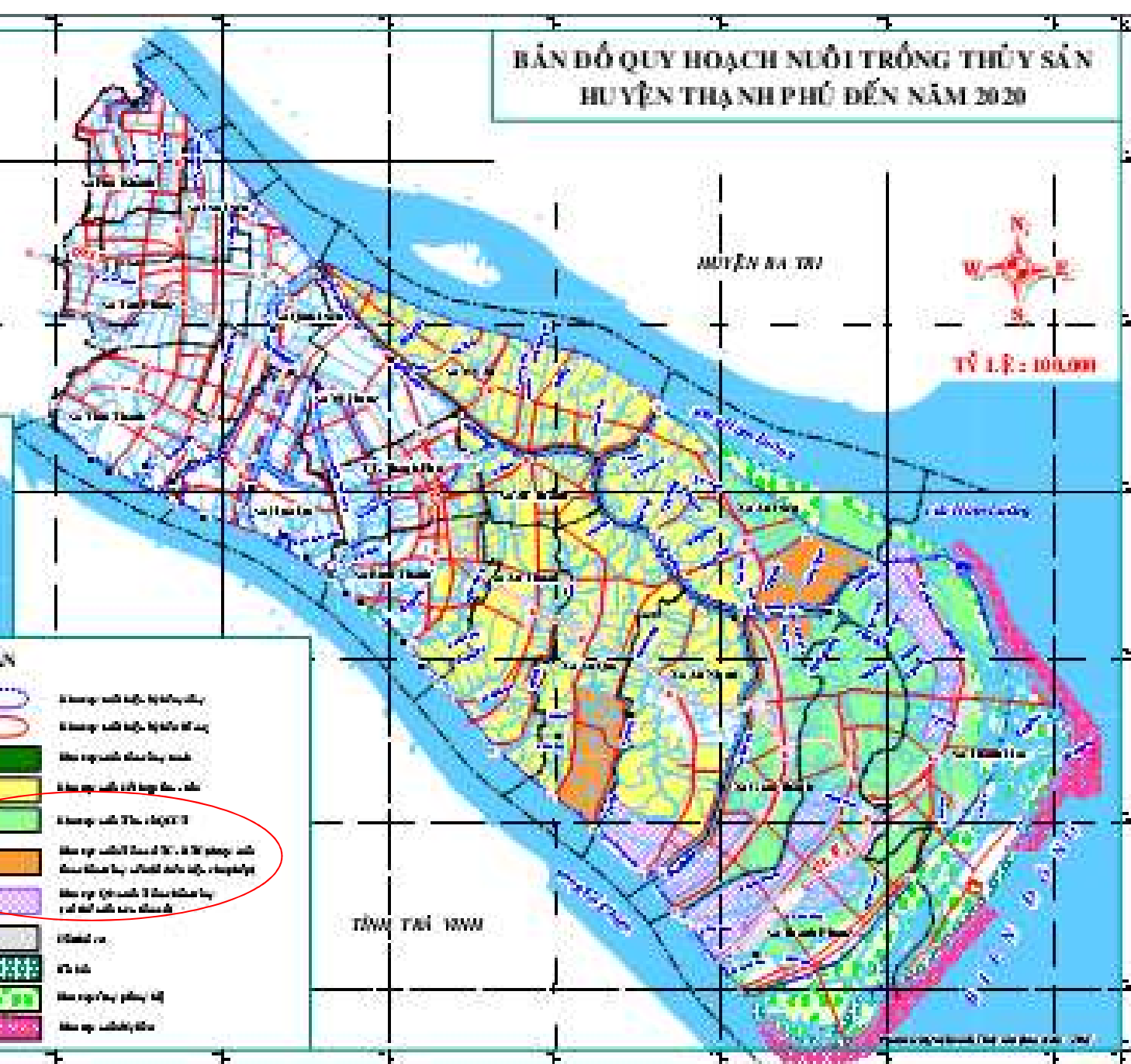
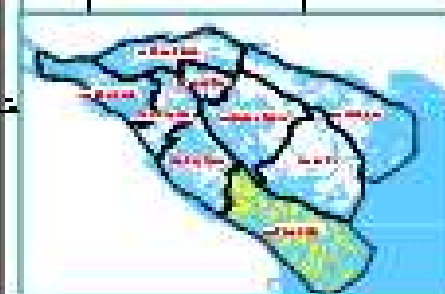
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HUYỆN THẠNH PHÚ ĐẾN NĂM 2020

MƯỜNG
MỒ
CÁI

MƯỜNG BÀ TƯ



TỶ LỆ: 1:100,000



CHỈ DẪN

- | | | | |
|--|--|--|--|
| | Thị trấn huyện lỵ | | Khu vực nuôi thủy sản công nghiệp |
| | Thị trấn cấp | | Khu vực nuôi thủy sản hộ gia đình |
| | Thị trấn cấp huyện cấp tỉnh, thành phố | | Khu vực nuôi tôm công nghiệp |
| | Biên giới tỉnh thành | | Khu vực nuôi vịt hàng hóa, nhàn |
| | Thủy lợi (cấp huyện) | | Khu vực nuôi tôm công nghiệp |
| | Thủy lợi | | Khu vực nuôi tôm công nghiệp ở vùng nước ngọt, công nghiệp |
| | Đường | | Khu vực nuôi tôm công nghiệp kết hợp với nuôi cá nước ngọt |
| | Biên giới cấp | | Đường cao |
| | Biên giới thành | | Đường biển |
| | Biên giới tỉnh thành | | Khu vực nuôi cá nước ngọt |
| | | | Khu vực nuôi thủy sản |

TỈNH TÂY BẮC

Đơn vị lập bản đồ: Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam



6- Khuyến khích sự tham gia đa thành phần

- Xác định lợi ích các thành phần
- Ghi nhận tâm tư nguyện vọng
- Tham gia từ đầu-đồng thuận
- Trách nhiệm-quyền lợi
- Dùng pp RRA và PRA
- Thuận lợi/khó khăn

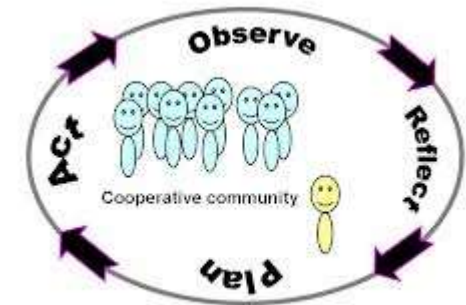
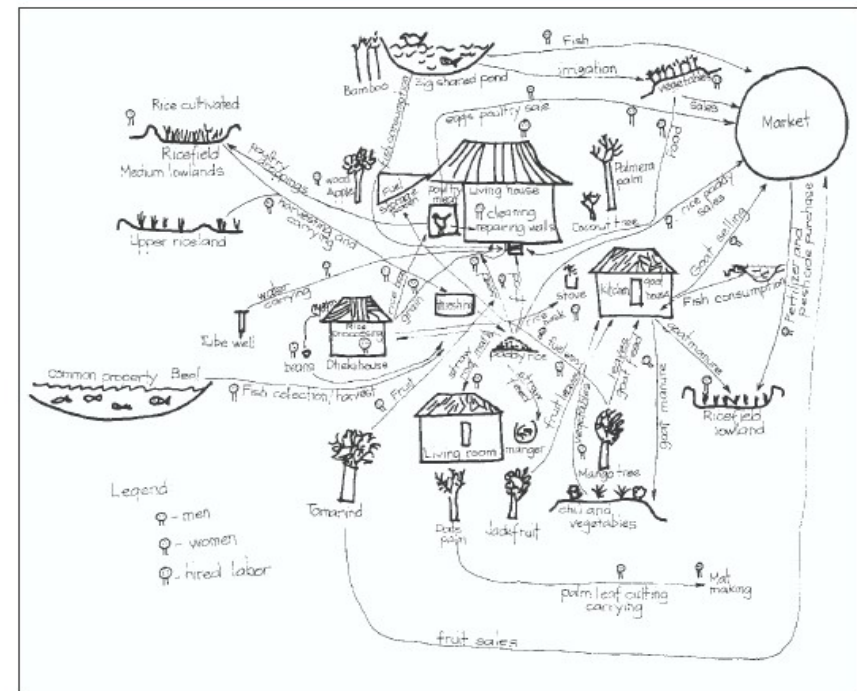


Figure 1.4 Farmers' View of a Farm System, Bangladesh²⁰





7- Công cụ giám sát-Đánh giá

- Giám sát-đánh giá
 - Thành phần của QH
 - Theo dõi và đánh giá quá trình hoạt động ngành
- Ai giám sát?
 - Mức ngành
 - Mức dự án
- Để làm gì?
 - Phân tích tính hiệu quả của các công cụ





Giám sát-Đánh giá

- Khi nào?
 - Trong quá trình
 - Khi kết thúc
- Tiêu chí?
 - Định trước
 - Ngay từ đầu





8- Công cụ đánh giá rủi ro (của hoạt động doanh nghiệp)

- Rủi ro trong quá trình sản xuất
- Rủi ro khâu sau thu hoạch và thị trường
- Chọn biện pháp hạn chế rủi ro
- Tính **thiệt hại** và **chi phí** cần thiết



Hết chương 4